

Số: 43/2018/QĐ-UBND

An Giang, ngày 14 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý,  
khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 231/TTr-SNN&PTNT ngày 15 tháng 10 năm 2018.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 107/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Ban hành Quy định hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo, đài PTHT An Giang;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Trần Anh Thư**

**QUY ĐỊNH**

**Hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ  
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND  
ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này áp dụng trong hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi (phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh) trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trạm thủy lợi liên huyện), liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 3. Phân loại sản phẩm, dịch vụ thủy lợi**

Sản phẩm, dịch vụ trong hoạt động thủy lợi thực hiện theo Điều 30 Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Điều 4 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Cụ thể:

**1. Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.**

Quy định này áp dụng đối với các hệ thống công trình có quy mô lớn bao gồm: Dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn liên tỉnh, liên huyện. Riêng đối với các hệ thống công trình có quy mô vừa và nhỏ thì áp dụng Quy định này cho các loại hình dịch vụ sau:

a) Dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn nội huyện;

b) Dịch vụ bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng;

c) Dịch vụ khai thác trạm bơm tưới, tiêu nước, bơm tưới tiêu nước kết hợp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi;

d) Thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt.

2. Đối với sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thực hiện tại Điểm a, Điểm b, Điểm d, Điểm đ Khoản 3 Điều 30 Luật Thủy lợi.

#### **Điều 4. Giải thích một số từ ngữ**

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn, bao gồm:

a) Quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn (có quy mô lớn) là quản lý, khai thác và bảo vệ nhiều công trình thủy lợi liên quan với nhau trong quản lý, vận hành nhằm tạo nguồn và điều tiết nước cho nhiều tiểu vùng, bảo vệ đê bao kiểm soát lũ cho cả hệ thống gồm nhiều tiểu vùng;

b) Quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tạo nguồn (có quy mô vừa và nhỏ) là quản lý, vận hành từng công trình thủy lợi riêng lẻ nhằm tạo nguồn và điều tiết nước cho các tiểu vùng.

2. Quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tiểu vùng là quản lý, vận hành, cung cấp nước tưới, tiêu nước, bơm tưới tiêu nước kết hợp trực tiếp cho các diện tích sản xuất, diện tích nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng phục vụ sản xuất và thủy lợi khác, bao gồm:

a) Dịch vụ bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng;

b) Dịch vụ khai thác trạm bơm tưới, tiêu nước, bơm tưới tiêu nước kết hợp, cấp nước nuôi trồng thủy sản, cấp nước chăn nuôi;

c) Thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt;

d) Dịch vụ thủy lợi khác (quy định tại Khoản 3 Điều 30 Luật Thủy lợi).

3. Các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trạm thủy lợi liên huyện), liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở, hợp tác xã, tổ hợp tác và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi gọi tắt là đơn vị cung ứng dịch vụ.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ gọi tắt là người sử dụng dịch vụ.

5. Hiệp thương dịch vụ là sự thoả thuận giữa đơn vị cung ứng dịch vụ và người sử dụng dịch vụ về nội dung, mức phí cung ứng và sử dụng dịch vụ.

6. Công trình trạm bơm điện, dầu được xây dựng, lắp đặt động cơ để bơm tưới và tiêu nước cho diện tích sản xuất.

7. Đường nước (tưới hoặc tiêu) là hệ thống kênh, mương (bằng đất hoặc vật liệu khác) dẫn nước từ đầu mối của trạm bơm đến nơi sản xuất và ngược lại.

8. Tiểu vùng là một khu vực diện tích đất sản xuất được bao đê bảo vệ khép kín.

## **Điều 5. Một số quy định chung**

1. Các trạm bơm dầu phải có kế hoạch nâng cấp chuyển sang bơm điện, nhằm giảm chi phí bơm tưới tiêu và từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

2. Khi dự án, kế hoạch đầu tư trạm bơm điện có diện tích phục vụ tưới tiêu bao trùm cả đường nước bơm dầu và diện tích sử dụng nước từ bơm dầu, đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; tổ chức, cá nhân khai thác trạm bơm dầu phải đầu tư nâng cấp chuyển sang bơm điện; nếu không thực hiện thì phối hợp hoặc giao lại đường nước, công đập điều tiết nước cho tổ chức, cá nhân đầu tư khai thác trạm bơm điện. Tổ chức, cá nhân khai thác đường nước bơm dầu và người sử dụng dịch vụ được hưởng các chính sách tại Điều 21 của Quy định này.

3. Người sử dụng dịch vụ tưới, tiêu từ bơm dầu được quyền chuyển sang sử dụng dịch vụ từ bơm điện. Trường hợp trên 80% số người (hoặc trên 80% diện tích đất) sử dụng nước từ bơm dầu, đề nghị đầu tư nâng cấp chuyển sang bơm điện, nhưng tổ chức, cá nhân khai thác đường nước bơm dầu không thực hiện thì phải phối hợp hoặc giao lại đường nước, công đập điều tiết nước cho tổ chức, cá nhân đầu tư khai thác trạm bơm điện mới với phí dịch vụ tưới, tiêu thấp hơn bơm dầu và chủ động thời vụ, thời gian trong quá trình sản xuất. Việc phối hợp hoặc giao lại được thực hiện theo Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 21 của Quy định này.

4. Đường nước là công trình công cộng, những người có đất canh tác trong phạm vi mà đường nước đó cung cấp nước, tiêu nước có quyền sử dụng, khai thác nếu có hợp đồng sử dụng dịch vụ.

5. Đất sản xuất nằm trong khu vực của một hệ thống cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước đã ổn định thì người sử dụng dịch vụ chỉ có thể tách ra để sử dụng dịch vụ do hệ thống cung ứng khác hoặc tự cấp nước nhưng không ảnh hưởng đến việc tưới, tiêu nước của người sử dụng dịch vụ khác trong các trường hợp sau:

a) Khi được phép thay đổi mục đích sử dụng đất mà tổ chức cung ứng dịch vụ cũ không thể đáp ứng nhu cầu sử dụng hoặc bị chia cắt địa hình, địa vật không thể tiếp tục sử dụng dịch vụ do hệ thống cũ cung ứng;

b) Do tổ chức cung ứng dịch vụ cũ không đủ điều kiện tiếp tục cung cấp dịch vụ, hoặc nhiều lần vi phạm hợp đồng không đảm bảo cung ứng dịch vụ tốt (phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã);

c) Do dự án thủy lợi khác (được cấp thẩm quyền phê duyệt) hoặc tổ chức, cá nhân đầu tư theo quy hoạch thực hiện cắt diện tích đó ra khỏi hệ thống cũ, hoặc trùm lên cả hệ thống cũ để tạo thành hệ thống thủy lợi mới.

6. Hoạt động cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước kết hợp phải bảo đảm hai hoạt động đồng thời là bơm tưới đủ nước và bơm tiêu nước chống ngập úng cho các người sử dụng nước để sản xuất trong suốt vụ.



7. Việc hiệp thương, đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch cung ứng dịch vụ thủy lợi được tiến hành trên nguyên tắc công khai, tự nguyện, dân chủ và bình đẳng:

a) Tổ chức, cá nhân khác không được can thiệp vào mức phí sử dụng dịch vụ do sự thỏa thuận của người sử dụng dịch vụ và đơn vị cung ứng dịch vụ, mức phí này không được vượt quá mức trần do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Trong trường hợp không thống nhất được mức phí thì hai bên cùng chính quyền địa phương bàn bạc để đi đến thống nhất mức phí chung;

b) Nhằm bảo đảm việc khai thác công trình thủy lợi và nguồn lợi từ nước đạt hiệu quả, trên tinh thần đem lại lợi ích cho người sử dụng dịch vụ và đơn vị cung ứng dịch vụ với mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội chung cho khu vực.

8. Sản phẩm của dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi là diện tích (ha), mét khối (m<sup>3</sup>) hoặc theo nội dung công việc được tưới nước, tiêu nước, tưới tiêu nước kết hợp và cấp nước. Được xác định với các loại hình sau:

a) Sản phẩm của dịch vụ bảo vệ đê bao tính theo diện tích sản xuất được kiểm soát lũ trong vụ Thu Đông;

b) Đối với dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tạo nguồn, tính theo diện tích do hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và điều tiết nước;

c) Ngoài các quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 8 Điều này thì thực hiện theo Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ QUẢN LÝ, KHAİ THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

#### **Điều 6. Nội dung hoạt động dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi**

Hoạt động dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được thực hiện để đảm bảo điều tiết và tạo nguồn nước phục vụ tưới nước, tiêu nước, bơm tưới tiêu nước kết hợp và cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiêu vùng phục vụ sản xuất và thủy lợi khác đúng sản phẩm đã được đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch; bao gồm:

1. Quản lý, điều hành, thu thập thông tin khí tượng thủy văn phục vụ cho công tác vận hành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Tổ chức bảo vệ công trình theo phạm vi bảo vệ:

a) Xác định phạm vi bảo vệ công trình;

b) Trình cấp thẩm quyền phê duyệt phạm vi bảo vệ cho từng công trình, tổ chức cắm mốc và xây dựng hàng rào bảo vệ;

c) Thường xuyên kiểm tra, bảo vệ phạm vi bảo vệ công trình;

d) Lập phương án, kế hoạch trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công trình trong mùa hạn hán, xâm nhập mặn, mưa, lũ, bão, áp thấp nhiệt đới.

3. Vận hành khai thác công trình thủy lợi và điều tiết nước tạo nguồn cho sản xuất và cấp nước:

a) Lập kế hoạch vận hành khai thác hệ thống công trình và từng công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu;

b) Vận hành đóng mở các công trình cống, đập, hồ chứa điều tiết nước theo yêu cầu của các tiểu vùng trong hệ thống và phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước;

c) Thường xuyên kiểm tra năng lực phục vụ của công trình trong quá trình vận hành khai thác.

4. Thực hiện duy tu bảo dưỡng, nạo vét, sửa chữa công trình nhằm duy trì tuổi thọ và phát triển năng lực của công trình, phát huy hiệu quả cung ứng dịch vụ:

a) Tổ chức duy tu bảo dưỡng công trình đúng định kỳ: thường xuyên tra dầu mỡ, nhớt, sơn chống sét vào các bộ phận máy móc thiết bị; dọn bờ kênh, vớt cỏ, vớt rác, các vật chướng ngại như chà, đống đá trong lòng công trình; bồi đắp mái kênh, bờ kênh; sửa chữa các hư hỏng nhỏ, nạo vét sạt lở cục bộ; bảo dưỡng bê tông, đá gạch xây (đối với kênh cứng hóa): tô trát, trích mạch, quét xi măng;

b) Nạo vét bùn, cát bồi lắng lòng kênh, cống, đập, hồ chứa theo đúng quy mô thiết kế, nhiệm vụ của công trình;

c) Sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn tài sản cố định, công trình thủy lợi được giao quản lý, nhằm đảm bảo quá trình hoạt động luôn đạt hiệu quả.

5. Định kỳ kiểm tra, theo dõi thường xuyên các công trình thủy lợi nhằm đảm bảo tốt hoạt động cung ứng dịch vụ cho nhu cầu sử dụng:

a) Đối với trạm bơm trước khi vận hành cần kiểm tra bể hút, bể xả, máy bơm, động cơ, nhà trạm và hệ thống điện, cống, đập điều tiết nước và đường nước đảm bảo đủ nước tưới và tiêu úng khi cần thiết;

b) Đối với hệ thống đê chống lũ, thời gian trước, trong và sau lũ cần kiểm tra toàn bộ công trình đê, cống chống lũ. Kịp thời xử lý hư hỏng, sạt lở, lún sụt, không cho nước rò rỉ qua thân đê, thân cống đảm bảo sản xuất thu hoạch trọn vẹn;

c) Đối với hệ thống kênh rạch: kiểm tra mức độ bồi lắng, các hoạt động cản trở dòng chảy, đảm bảo đủ nước tưới và tiêu úng khi cần thiết;

d) Đối với hệ thống cống cần kiểm tra và sửa chữa để đảm bảo công tác vận hành đủ nước tưới, kịp thời tiêu úng và chống lũ;

đ) Đối với công trình hồ chứa, thời gian trước, trong khi tích nước cần kiểm tra toàn bộ công trình đê, đập, cống, tràn. Kịp thời xử lý hư hỏng, sạt lở, lún sụt, nứt nẻ không cho nước rò rỉ qua thân đê, đập, thân cống đảm bảo an toàn hồ chứa;

e) Đối với công trình kè cần kiểm tra và sửa chữa phần xây đúc, thảm đá, rọ đá, đá gạch xây, hành lang bảo vệ, lan can bằng sắt, thép và những hạng mục khác của công trình để đảm bảo công tác chống sạt lở.

6. Việc xây dựng mới, nâng cấp công trình thủy lợi nhằm mục đích hình thành vùng cung ứng dịch vụ mới hoặc để mở rộng diện tích của vùng cung ứng dịch vụ phải thực hiện đúng theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của công trình khác.

### **Điều 7. Danh mục và phương thức cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Nguyên tắc lựa chọn phương thức cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được thực hiện theo Điều 23 Luật Thủy lợi và Điều 27 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

2. Danh mục và phương thức cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn được lựa chọn một trong hai phương thức đặt hàng hoặc giao kế hoạch, bao gồm:

a) Dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn liên tỉnh, liên huyện;

b) Dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình đê điều (đê cấp III trở lên);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể danh mục công trình thủy lợi cho từng đơn vị quản lý, khai thác.

3. Danh mục và phương thức cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn nội huyện, bơm tưới, tiêu nước, bơm tưới tiêu nước kết hợp, cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng phục vụ sản xuất và thủy lợi khác, bao gồm:

a) Dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tạo nguồn nội huyện thực hiện theo phương thức đặt hàng;

b) Dịch vụ bơm tưới; tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi thực hiện theo phương thức đấu thầu;

c) Dịch vụ bảo vệ đê bao chống lũ bảo vệ sản xuất tiểu vùng (đê cấp IV trở xuống); thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt và thủy lợi khác được lựa chọn một trong hai phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng;

d) Trường hợp thực hiện dự án, kế hoạch đầu tư mới hệ thống trạm bơm điện phục vụ bơm tưới, tiêu nước. Ưu tiên thực hiện đấu thầu lựa chọn đơn vị đầu tư xây dựng trạm bơm điện và cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước;



đ) Trường hợp đến thời vụ sản xuất mà không có hoặc chỉ có một đơn vị cung ứng dịch vụ tham gia hiệp thương, đấu thầu để phục vụ sản xuất. Để kịp thời đảm bảo đúng lịch thời vụ, đơn vị tổ chức đấu thầu là cơ quan đại diện để lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ có đủ năng lực để đặt hàng. Nhưng phải được sự đồng thuận trên 70% người dân trong vùng sản xuất.

### **Điều 8. Điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng dịch vụ**

Các tổ chức, cá nhân muốn được tham gia cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cần đảm bảo đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi; Điều 25, Điều 26 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018.

## **Chương III**

### **QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TẠO NGUỒN**

#### **Điều 9. Phương thức đặt hàng, giao kế hoạch**

##### **1. Phương thức đặt hàng:**

Trên cơ sở dự toán thu, cấp bù miễn thủy lợi phí hàng năm được Ủy ban nhân tỉnh giao, đã xác định diện tích cần tạo nguồn nước, số lượng công trình, khối lượng sản phẩm phải quản lý, bảo vệ, vận hành khai thác và duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nạo vét, cơ quan đặt hàng lập kế hoạch đặt hàng cụ thể gửi cơ quan tài chính tổng hợp trong kế hoạch ngân sách và trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt.

##### **2. Phương thức giao kế hoạch:**

Đơn vị được giao kế hoạch phải lập kế hoạch hàng năm về nội dung hoạt động cung ứng dịch vụ theo Điều 6 của quy định này để tạo nguồn và điều tiết nước phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước báo cáo cơ quan giao kế hoạch xem xét.

3. Quy trình, thủ tục, hồ sơ đặt hàng và giao kế hoạch thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 và Điều 31, Điều 32 Luật Thủy lợi.

#### **Điều 10. Nguồn kinh phí, cấp phát và thanh, quyết toán kinh phí hợp đồng đặt hàng, giao kế hoạch cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn**

1. Tài chính trong hoạt động dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn thực hiện theo Điều 37, Điều 38 Luật Thủy lợi. Nội dung sử dụng kinh phí thực hiện như sau:

a) Công tác nạo vét và duy tu sửa chữa công trình thủy lợi sử dụng theo quy trình, thủ tục nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư;

b) Đối với công tác quản lý, bảo vệ, vận hành khai thác và duy tu bảo dưỡng công trình sử dụng theo quy trình, thủ tục nguồn vốn sự nghiệp.

2. Việc cấp phát và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện bằng lệnh chi tiền thông qua hệ thống tài chính – kho bạc theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Căn cứ vào nội dung hợp đồng đặt hàng, quyết định giao kế hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đơn vị nhận quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và công trình thủy lợi tạo nguồn lập dự toán năm chia từng quý, chia theo nhiệm vụ cụ thể: quản lý điều hành, bảo vệ, vận hành khai thác, duy tu bảo dưỡng, nạo vét và sửa chữa công trình thủy lợi gửi cơ quan đặt hàng, giao kế hoạch tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung toàn tỉnh gửi Sở Tài chính để làm căn cứ cấp phát.

4. Hồ sơ thanh, quyết toán kinh phí của đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và công trình thủy lợi tạo nguồn với cơ quan đặt hàng, giao kế hoạch; quyết toán kinh phí với ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Trường hợp đặt hàng: Hợp đồng đặt hàng, biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ đã được ký kết giữa cơ quan đặt hàng với đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và công trình thủy lợi tạo nguồn, cùng các tài liệu khác có liên quan;

b) Trường hợp giao kế hoạch: Quyết định giao kế hoạch, biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ đã được ký kết giữa cơ quan đặt hàng với đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và công trình thủy lợi tạo nguồn, cùng các tài liệu khác có liên quan.

#### **Chương IV**

### **QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THỦY LỢI (BƠM TƯỚI, TIÊU NƯỚC, BƠM TƯỚI TIÊU KẾT HỢP, CẤP NƯỚC; THOÁT LŨ, NGĂN LŨ, NGĂN TRIỀU CƯỜNG, NGĂN MẶN...; BẢO VỆ ĐÊ BAO CHỐNG LŨ TIỂU VÙNG VÀ THỦY LỢI KHÁC)**

**Điều 11. Đơn vị tổ chức đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước, bơm tưới tiêu kết hợp, cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác)**

1. Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở, là đơn vị tổ chức đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước, bơm tưới tiêu kết hợp, cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; và bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng phục vụ sản xuất và thủy lợi khác). Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở được:

a) Giao nhiệm vụ quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi trong tiểu vùng;

b) Đại diện cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ và phải được hơn 80% số tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ trong tiểu vùng thống nhất.

2. Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở được thành lập theo quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức và hướng dẫn việc đấu thầu, đặt hàng hoạt động cung ứng dịch vụ thủy lợi.

**Điều 12. Hiệp thương về phương thức, nội dung cung ứng, sử dụng thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác)**

1. Trước khi lập kế hoạch đấu thầu, đặt hàng cung ứng, sử dụng dịch vụ, các đơn vị tổ chức đấu thầu, đặt hàng dịch vụ thủy lợi phải tổ chức hiệp thương lấy ý kiến thống nhất của người sử dụng dịch vụ về phương thức và nội dung cung ứng, sử dụng dịch vụ. Nội dung biên bản hiệp thương bao gồm:

a) Phương thức đấu thầu, đặt hàng;

b) Loại hình sử dụng dịch vụ (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác);

c) Thời hạn hợp đồng;

d) Thời gian, biện pháp cung ứng và sử dụng dịch vụ;

đ) Mức phí sử dụng dịch vụ phải được thoả thuận cụ thể theo từng loại hình sử dụng dịch vụ (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác). Tùy theo trường hợp mà dịch vụ thủy lợi thực hiện theo từng vụ, cả năm và mức phí sử dụng dịch vụ có thể thỏa thuận khoán gọn hoặc linh hoạt cho từng vị trí sử dụng dịch vụ (đất gò cao; đất trũng thấp; đất tự tưới; tiêu thấm; đất tưới, tiêu tự chảy tràn; đất tưới, tiêu chuyên cấp 2, cấp 3;...);

e) Thời gian và cách thu, nộp phí sử dụng dịch vụ;

g) Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của các bên tham gia;

h) Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng.

2. Biên bản hiệp thương có giá trị khi có ít nhất 70% số tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ tham gia hoặc có người đại diện ký vào biên bản hiệp thương (Những người đại diện này phải có giấy ủy quyền của một nhóm hộ, để tổng cộng có sự ủy quyền của ít nhất 70% tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ trong khu vực) và chiếm 70% diện tích canh tác.

3. Trường hợp những hoạt động dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn

mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác) đã được ký hợp đồng dài hạn, hàng năm phải tổ chức hiệp thương lại nội dung và giá cung ứng dịch vụ. Hết thời hạn hợp đồng phải tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng lại.

**Điều 13. Phương thức đấu thầu và đặt hàng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác)**

Căn cứ vào biên bản hiệp thương về cung ứng và sử dụng dịch vụ, đơn vị tổ chức đấu thầu và đặt hàng thực hiện:

1. Phương thức đấu thầu:

a) Điều kiện tổ chức đấu thầu thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 như sau:

- Lập kế hoạch đấu thầu với hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức một túi hồ sơ mời thầu, có đầy đủ nội dung về tên, giá, hình thức, quy mô gói thầu, nguồn vốn, thời gian sử dụng dịch vụ, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ dự thầu, ngày và địa điểm mở thầu, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt;

- Thông báo mời thầu được đăng tải trên trang [thông tin điện tử](#) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang, đài phát thanh cấp xã, tại Ủy ban nhân dân cấp xã và tại khu vực đất sản xuất.

b) Điều kiện tham dự đấu thầu: Tất cả các tổ chức, cá nhân đều được tham gia đấu thầu nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 5, Điều 6 Luật Đấu thầu và Điều 8 của Quy định này.

c) Điều kiện thực hiện đấu thầu:

- Có ít nhất 70% số tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ tham gia hoặc có người đại diện (Những người đại diện này phải có giấy ủy quyền của một nhóm tổ chức, cá nhân, để tổng cộng có sự ủy quyền của ít nhất 70% tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ trong khu vực);

- Có từ 02 tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ trở lên xin tham gia;

- Trường hợp không có hoặc chỉ có 01 tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ tham dự, khi hết thời gian thông báo đấu thầu thì gia hạn thêm thời gian mở thầu cuối cùng chậm nhất là trước xuống giống 30 ngày;

- Trường hợp đến ngày mở thầu cuối cùng (hết thời gian gia hạn) chỉ có 01 đơn vị cung ứng dịch vụ tham dự thì phải có ít nhất 70% số tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đồng ý mới thực hiện mở gói thầu tham dự và tổ chức thương thảo và ký hợp đồng thực hiện dịch vụ;

- Trường hợp đến ngày mở thầu cuối cùng không có đơn vị cung ứng dịch vụ tham dự thì đơn vị tổ chức đấu thầu cùng hiệp thương với người sử dụng dịch vụ để tìm đơn vị cung ứng dịch vụ đặt hàng;

- Đơn vị tổ chức đấu thầu lập biên bản về tình hình, nội dung đấu thầu cho bên tham gia cùng ký tên thống nhất và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý địa bàn.

## 2. Phương thức đặt hàng:

a) Tất cả các tổ chức, cá nhân đều được tham gia đặt hàng cung ứng dịch vụ nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện trong Điều 8 của Quy định này;

b) Có ít nhất 70% số tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ hoặc có người đại diện thống nhất (Những người đại diện này phải có giấy ủy quyền của một nhóm người, để tổng cộng có sự ủy quyền của ít nhất 70% tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ trong khu vực);

c) Trường hợp đến mùa vụ sản xuất (trước lịch thời vụ 30 ngày) mà những người sử dụng dịch vụ chưa tìm và thống nhất được tổ chức, cá nhân nào để đặt hàng cung ứng dịch vụ thì đơn vị đặt hàng sẽ chọn đơn vị nhận đặt hàng, bao gồm: Công ty nhà nước; công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước sở hữu 100% vốn; công ty cổ phần; đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trạm thủy lợi liên huyện); doanh nghiệp tư nhân; hợp tác xã; tổ chức hợp tác khác tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; các tổ chức khác của Nhà nước được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Quy trình, thủ tục đấu thầu và đặt hàng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiêu vùng và thủy lợi khác):

### a) Đối với phương thức đấu thầu:

- Thực hiện theo quy định tại Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013 và Điều 31, Điều 32 Luật Thủy lợi;

- Việc thực hiện đấu thầu quản lý khai thác công trình thủy lợi được hoàn thành trước ngày 31/12 năm trước năm kế hoạch.

### b) Đối với phương thức đặt hàng:

Quy trình, thủ tục, hồ sơ đặt hàng thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 và Điều 31, Điều 32 Luật Thủy lợi.

## **Điều 14. Giá, đơn giá đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ thủy lợi**

1. Giá, đơn giá, mức trần gói thầu, đặt hàng dựa trên quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác do UBND tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Luật Thủy lợi; Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018.

2. Giá hợp đồng giao thầu và đặt hàng dựa trên cơ sở mức phí sử dụng dịch vụ trong biên bản hiệp thương, giá trúng thầu, giá đặt hàng và giá thương thảo trong ngày tổ chức đấu thầu, đặt hàng.

3. Thời gian cung ứng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác) sau khi được giao thầu hoặc đặt hàng được thực hiện:

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ khi đầu tư xây dựng mới hệ thống trạm bơm điện được quyền khai thác trạm bơm điện; thời hạn khai thác cụ thể được thỏa thuận bằng văn bản giữa nhà đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có). Tuy nhiên hàng năm phải hiệp thương lại giá gói thầu, đặt hàng theo mức trần được UBND tỉnh ban hành theo quy định.

b) Có hai trường hợp kết thúc quyền khai thác trạm bơm điện trước thời hạn theo thỏa thuận giữa nhà đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Do nhà đầu tư vi phạm những thỏa thuận với Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc vi phạm thỏa thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thủy lợi theo hợp đồng cung ứng dịch vụ;

- Có ý kiến thống nhất bằng hoặc trên 70% số tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thủy lợi trong vùng cung ứng dịch vụ của trạm bơm điện để nhận lại quyền khai thác trực tiếp với các hình thức hợp tác xã, tổ hợp tác theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn này, nhà đầu tư cũng đã có thời gian khai thác ít nhất là 2/3 thời hạn khai thác tại Điểm a Khoản 3 Điều này.

c) Việc chấm dứt trước thời hạn này sẽ được xem xét để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư trước đó. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuê đơn vị độc lập thẩm định giá để chi trả kinh phí cho nhà đầu tư trước đó.

4. Thời gian cung ứng dịch vụ bảo vệ đê bao sau khi được giao thầu hoặc đặt hàng được thực hiện một năm. Trường hợp Tổ chức cung ứng dịch vụ đầu tư gia cố, nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi và được sự đồng ý thỏa thuận, hiệp thương của Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở đại diện cho ít nhất 70% tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ, thì thời gian cung ứng dịch vụ tùy thuộc vào kết quả hiệp thương.

**Điều 15. Nguồn kinh phí thanh toán hợp đồng giao thầu, đặt hàng, cung ứng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác)**

1. Kinh phí để thanh toán hợp đồng giao thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác) là do tổ chức, cá nhân sử dụng

dịch vụ chi trả theo hợp đồng và thực hiện theo Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 51 Luật Thủy lợi; Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định 96/2018/NĐ-CP.

2. Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ sử dụng kinh phí của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ để thực hiện đúng hợp đồng giao nhận thầu, đặt hàng và nội dung hoạt động dịch vụ trong biên bản hiệp thương.

## **Chương V** **NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA CÁC BÊN THAM GIA**

### **Điều 16. Nghĩa vụ và quyền lợi của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thủy lợi**

Nghĩa vụ và quyền lợi của tổ chức cung ứng dịch vụ thủy lợi thực hiện theo Điều 54, Luật Thủy lợi và các quy định sau:

1. Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ trong quá trình cung ứng dịch vụ:

a) Tự trang bị phương tiện, vật liệu, máy móc, thiết bị, nhân lực dùng để cung ứng dịch vụ, kể cả các chi phí về nhiên liệu, điện năng tiêu thụ, tiền lương, chi phí khác; song song đó phải trang bị thêm các phương tiện, máy móc, thiết bị dự phòng khi cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo cung ứng dịch vụ tốt nhất;

b) Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ ký kết hợp đồng với đơn vị tổ chức đầu thầu, đặt hàng của khu vực sử dụng dịch vụ;

c) Thông báo quy trình cung ứng dịch vụ dựa trên lịch sử dụng dịch vụ;

d) Thường xuyên kiểm tra lắp đặt tiếp địa vỏ máy bơm, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, máy móc và các công trình thủy lợi sử dụng cho việc cung ứng dịch vụ;

đ) Cung ứng dịch vụ đến vị trí sử dụng và đúng theo yêu cầu sử dụng dịch vụ đã được nêu trong hợp đồng;

e) Nộp đầy đủ các khoản thuế đúng quy định của nhà nước. Đồng thời, phải có trách nhiệm bảo vệ nguồn tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

2. Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ có quyền lợi trong quá trình cung ứng dịch vụ:

a) Yêu cầu đơn vị đầu thầu, đặt hàng ký hợp đồng, cung cấp các tài liệu liên quan đến việc sử dụng dịch vụ của từng tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ;

b) Kiểm tra qui mô, loại đất, loại hình, lịch trình sử dụng dịch vụ;

c) Thu phí sử dụng dịch vụ như đã cam kết trong hợp đồng;

d) Yêu cầu cơ quan chức năng xác minh, xử lý các hành vi vi phạm hợp đồng và yêu cầu tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ bồi thường thiệt hại do hành vi đó gây ra. Cụ thể:

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác công trình tạo nguồn do cấp tỉnh quản lý thì Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính xác minh, xử lý;

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình tạo nguồn do cấp huyện quản lý (Trạm Thủy lợi liên huyện) thì Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế), Phòng Tài chính xác minh, xử lý;

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác) do liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức, cá nhân quản lý thì Ủy ban nhân cấp xã xác minh, xử lý;

- Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ không thống nhất với những xử lý của các cơ quan chức năng, có quyền khiếu kiện đến cơ quan pháp luật xem xét xử lý.

### **Điều 17. Nghĩa vụ và quyền lợi của Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở**

1. Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở có nghĩa vụ trong tổ chức đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác):

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 28, Khoản 3 Điều 31 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; đồng thời, phải có trách nhiệm bảo vệ nguồn tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

b) Đại diện tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ ký kết hợp đồng và cung cấp qui mô, loại đất, loại hình, lịch trình sử dụng dịch vụ cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ;

c) Việc thu và nộp phí sử dụng dịch vụ theo đúng quy định từ tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ;

d) Kiểm tra quá trình, nội dung hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ đúng theo yêu cầu đã được nêu trong hợp đồng;

đ) Tổ chức hiệp thương, lập kế hoạch đấu thầu, đặt hàng sử dụng dịch vụ;

e) Chủ trì phối hợp với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ lập kế hoạch đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi phục vụ cho việc cung ứng dịch vụ;

g) Lấy ý kiến và tổng hợp yêu cầu của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ về chất lượng dịch vụ và nâng cấp hệ thống trạm bơm điện, hệ thống thủy lợi điều tiết tưới, tiêu nhằm nâng cao hiệu quả và giảm chi phí bơm;



h) Yêu cầu các cấp có thẩm quyền xem xét hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn không đủ cung cấp nước cho tiểu vùng;

i) Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình hiệp thương, đấu thầu và quá trình cung ứng, sử dụng dịch vụ.

2. Quyền lợi của Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở:

a) Thực hiện quyền lợi theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018;

b) Được tham gia cung ứng dịch vụ theo quy định tại Khoản 1, Điều 28, Khoản 3, Điều 31 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018;

c) Yêu cầu tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ ký hợp đồng, cung cấp quy trình cung ứng dịch vụ;

d) Yêu cầu tạm ngưng cung ứng hoặc sử dụng dịch vụ của các bên trong trường hợp các bên vi phạm hợp đồng, các hành vi không đúng pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Đồng thời tham gia hòa giải, giải quyết các hành vi đó;

đ) Yêu cầu chính quyền xác minh, xử lý các hành vi không đúng pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và hành vi vi phạm hợp đồng trong trường hợp các bên không thống nhất cách giải quyết;

e) Yêu cầu tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ nâng cấp hệ thống trạm bơm điện, hệ thống thủy lợi nhằm nâng cao hiệu quả và giảm chi phí bơm;

g) Được hưởng lệ phí thu phí cung ứng dịch vụ theo qui định tại Điều 29 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018.

### **Điều 18. Nghĩa vụ và quyền lợi của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thủy lợi**

Nghĩa vụ và quyền lợi của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thủy lợi thực hiện theo Điều 55, Luật Thủy lợi và các quy định sau:

1. Người sử dụng dịch vụ thủy lợi có nghĩa vụ trong quá trình sử dụng dịch vụ:

a) Cung cấp qui mô, loại đất, loại hình, lịch trình sử dụng dịch vụ cho Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Nộp đầy đủ phí sử dụng dịch vụ đã cam kết trong biên bản hiệp thương, hợp đồng;

c) Sử dụng dịch vụ đúng theo yêu cầu đã được nêu trong hợp đồng.

2. Quyền lợi của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ:

a) Lựa chọn Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở;

b) Tham dự và thoả thuận các nội dung hiệp thương;

c) Lựa chọn tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ;

d) Nếu không tham dự hiệp thương hoặc không đồng ý Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở và tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ đó thì có quyền trình bày ý kiến bất đồng của mình để chính quyền giải quyết, nhưng phải chấp thuận theo đa số (lớn hơn 70%) đã được thống nhất;

đ) Yêu cầu tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ cung cấp quy trình cung ứng dịch vụ;

e) Yêu cầu cơ quan chức năng xác minh, xử lý hành vi vi phạm hợp đồng, những sai phạm của Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở và yêu cầu tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ bồi thường thiệt hại do hành vi đó gây ra:

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình tạo nguồn do cấp tỉnh quản lý thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính xác minh, xử lý;

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình tạo nguồn do cấp huyện quản lý (Trạm Thủy lợi liên huyện) thì Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế), Phòng Tài chính xác minh, xử lý;

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác) do liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức, cá nhân quản lý thì Ủy ban nhân cấp xã, xác minh, xử lý;

- Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ không thống nhất với những xử lý của các cơ quan chức năng, có quyền khiếu kiện đến cơ quan pháp luật xem xét xử lý.

## **Chương VI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

### **Điều 19. Chính sách hỗ trợ do thiên tai**

Trường hợp khi thiên tai xảy ra gây hư hỏng công trình thủy lợi, mất mùa, thiệt hại về năng suất, sản lượng cây trồng. Nhà nước xem xét hỗ trợ một phần chi phí để sửa chữa, khôi phục lại công trình do thiên tai phá hoại, hỗ trợ một phần chi phí cho người trực tiếp sản xuất (giống và các hỗ trợ khác theo quy định) từ nguồn dự phòng ngân sách của địa phương (sau khi cân đối); quỹ phòng chống thiên tai; đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân và xin hỗ trợ từ nguồn ngân sách của Trung ương (Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa; thủy lợi phí; khắc phục hậu quả thiên tai; phòng, chống hạn hán và xâm nhập mặn; các nguồn khác theo quy định), với nội dung như sau:

1. Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy

lợi khác) phải tập trung bơm chống hạn, chống úng vượt quá mức độ bình thường để kịp thời hạn chế thiệt hại thấp nhất về sản xuất:

a) Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác) lập báo cáo ngay tình hình bơm chống hạn, chống úng với đầy đủ các nội dung về diện tích, thời gian, mức nước cần bơm và sự trợ giúp về phương tiện, nhiên liệu, điện năng. Đồng thời đề nghị được hỗ trợ chi phí nhiên liệu, điện năng để bơm tưới, tiêu nước, cấp nước và thủy lợi khác vượt định mức theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 32 Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

b) Nhà nước chỉ hỗ trợ chi phí nhiên liệu, điện năng để bơm tưới, tiêu nước, cấp nước và thủy lợi khác vượt định mức của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thủy lợi khi hợp đồng với tổ chức, cá nhân với hình thức khoán gọn bơm tưới và tiêu úng cả năm, so với mức phí trong điều kiện bình thường;

c) Đối với những tiểu vùng sản xuất được tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ hợp đồng (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác) cho từng vụ hoặc phát sinh theo từng đợt cục bộ thì tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ được hỗ trợ chi phí nhiên liệu, điện năng để bơm tưới, tiêu nước vượt định mức;

d) Chi phí nhiên liệu, điện năng vượt định mức được xác định trên cơ sở định mức bơm tưới, tiêu nước bình quân hàng năm trong điều kiện bình thường của khu vực hoạt động dịch vụ.

2. Trường hợp thiên tai bất khả kháng làm hư hỏng các công trình thủy lợi (ngoài kế hoạch của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ) ảnh hưởng đến hoạt động dịch vụ gây thiệt hại cho sản xuất. Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ phải tập trung bảo vệ, khắc phục kịp thời nhằm hạn chế thấp nhất hư hỏng công trình và thiệt hại sản xuất:

a) Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ phải báo cáo khẩn cấp về tình trạng hư hỏng cần bảo vệ, khắc phục công trình thủy lợi và yêu cầu sự trợ giúp nếu không đủ khả năng xử lý. Đồng thời đề nghị được hỗ trợ chi phí sửa chữa công trình; theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thủy lợi; Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 30 Luật Phòng, chống thiên tai;

b) Chi phí sửa chữa công trình được xác định trên cơ sở công trình đó đã và đang đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động cung ứng dịch vụ.

3. Trường hợp thiên tai xảy ra gây mất mùa hoặc giảm năng suất cây trồng:

a) Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thực hiện miễn, giảm giá dịch vụ bơm tưới, tiêu nước cho những tổ chức, cá nhân sử dụng nước, lập hồ sơ xin cấp phần thủy lợi phí dịch vụ thủy lợi bị thất thu trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

b) Ngoài ra, Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí cho người trực tiếp sản xuất như giống và các hỗ trợ khác theo quy định Điều 36 Luật Thủy lợi và Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

**Điều 20. Quy trình xét cấp kinh phí cho việc phòng, chống úng, hạn và sửa chữa công trình thủy lợi bị hư hỏng do thiên tai được thực hiện như sau:**

1. Khi thiên tai xảy ra gây mất mùa, thiệt hại về năng suất, sản lượng cây trồng và hư hỏng công trình thủy lợi, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành thành lập Đoàn (bao gồm Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ) kiểm tra thực tế xem xét đánh giá xác định mức độ thiệt hại, lập biên bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xác định mức bơm tưới, tiêu nước của từng vùng, đánh giá hư hỏng công trình thủy lợi và xác định mức độ thiệt hại năng suất, sản lượng cây trồng.

3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch và quyết toán kinh phí hỗ trợ phòng chống thiên tai gây ra đối với tổ chức cung ứng dịch vụ thủy lợi tạo nguồn do tỉnh và huyện quản lý:

a) Khi thiên tai xảy ra trên diện rộng (từ 02 tỉnh, thành trong khu vực trở lên): xin hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh;

b) Khi thiên tai xảy ra cục bộ (trên địa bàn tỉnh): hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách dự phòng của tỉnh, huyện.

4. Phòng Tài chính, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch và quyết toán kinh phí đối với các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiêu vùng và thủy lợi khác) do Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở; Tổ chức thủy lợi cơ sở, Hợp tác xã; Tổ hợp tác; Tổ chức, cá nhân quản lý:

a) Khi thiên tai xảy ra trên diện rộng (trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố): hỗ trợ từ ngân sách dự phòng của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố;

b) Khi thiên tai xảy ra cục bộ (trên địa bàn các xã, phường, thị trấn): hỗ trợ từ ngân sách dự phòng của các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn.

**Điều 21. Chính sách đầu tư chuyển bơm dầu sang bơm điện**

1. Ưu tiên cho các chủ đường nước bơm dầu và tổ chức, cá nhân có đất sản xuất trong vùng thực hiện đầu tư chuyển từ bơm dầu sang xây dựng trạm bơm điện để cung ứng dịch vụ (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết

hợp; cấp nước; đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt và thủy lợi khác) trong khu vực của mình.

2. Thực hiện phát triển hệ thống trạm bơm điện; Các chủ đường nước bơm dầu nhỏ lẻ phải hợp tác với nhau hoặc hợp tác với liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện để tạo thành hệ thống bơm tưới, tiêu nước cho cả khu vực theo quy hoạch được duyệt của cấp thẩm quyền.

3. Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng trạm bơm điện, cống và kiên cố kênh mương thực hiện tại Điều 6, Điều 7 Điều 8 Điều 9 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

4. Trường hợp liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện để cung ứng dịch vụ (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt và thủy lợi khác) cần phải sử dụng đường nước của tổ chức, cá nhân bơm dầu hiện có, mà đường nước này nằm trong diện tích đất của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì tổ chức, cá nhân có đường nước bơm dầu được hưởng các chính sách sau:

a) Được góp vốn cổ phần trong tổ chức, cá nhân đầu tư khai thác trạm bơm điện với hình thức bằng tiền, tài sản khác hoặc xem đường nước là tài sản;

b) Được tham gia quản lý vận hành khai thác trạm bơm điện, điều tiết nước trong khu vực mà trước đây đường nước bơm dầu đã phục vụ hoặc có thỏa thuận khác;

c) Nếu không chấp thuận theo Điểm a và b, Khoản 4 Điều này thì được tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện hoàn trả giá trị hiện còn sử dụng của đường nước đó (bao gồm chi phí đào đắp và giá trị diện tích đất được xác định tại Khoản 6 của Điều này). Sau đó đường nước này sẽ thuộc hệ thống tưới tiêu của trạm bơm điện;

d) Nếu không thỏa thuận để thực hiện các trường hợp tại Điểm a, b, c Khoản 4 Điều này, thì tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện phải trả khoản chi phí thuê đường nước với giá trị bằng với giá trị sản lượng (lúa và hoa màu) được sản xuất trên diện tích mà đường nước đó sử dụng.

5. Trường hợp tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện để cung ứng dịch vụ (bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt và thủy lợi khác) cần phải sử dụng đường nước bơm dầu hiện có, nhưng đường nước này là của chung nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ, thì tổ chức, cá nhân có đường nước bơm dầu và những tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đó được hưởng các chính sách sau:

a) Được góp vốn cổ phần trong tổ chức, cá nhân đầu tư khai thác trạm bơm điện;

b) Được tham gia quản lý vận hành khai thác trạm bơm điện, điều tiết nước trong khu vực mà trước đây đường nước bơm dầu đã phục vụ hoặc có thỏa thuận khác;

c) Tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện không được hạch toán chi phí xây dựng đường nước của trạm bơm dầu vào giá thành dịch vụ bơm tưới tiêu. Vì đường nước này là hệ thống tưới tiêu của trạm bơm điện.

6. Trường hợp mở rộng, xây, đào mới hệ thống thủy lợi đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, nhằm giải quyết chống lũ, úng, hạn phục vụ cho tập thể mà buộc phải sử dụng diện tích đất của một vài tổ chức, cá nhân thì phải bồi hoàn huê lợi cho tổ chức, cá nhân mất đất theo giá thỏa thuận tại thời điểm giao, nhận tiền. Giá thỏa thuận không cao hơn 1,3 lần giá thị trường, tùy vào các trường hợp sau:

a) Trường hợp công trình thủy lợi đi theo ranh giữa 02 thửa đất của 02 tổ chức, cá nhân thì sử dụng mỗi thửa một nửa để xây dựng công trình, giá thỏa thuận không cao hơn 1,1 lần giá thị trường;

b) Trường hợp công trình thủy lợi đi qua một phần hoặc giữa đất của 01 tổ chức, cá nhân thì giá thỏa thuận không cao hơn 1,3 lần giá thị trường;

c) Nếu không thỏa thuận được thì chính quyền địa phương xem xét một số giải pháp như: thay đổi phương án kỹ thuật, đổi diện tích đất sản xuất, áp dụng luật đất đai, luật đề điều, phòng chống thiên tai, vận động tổ chức, cá nhân có lợi ích chung, để tổ chức thực hiện theo quyền lợi của tập thể;

d) Nếu vì lý do nào đó mà hệ thống thủy lợi này không sử dụng nữa thì giao đất cho các tổ chức, cá nhân đã bị mất đất trước đây để tiếp tục canh tác.

7. Trường hợp tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ đầu tư mới toàn bộ hay một phần chi phí xây dựng và bồi thường huê lợi (trừ chi phí duy tu bảo dưỡng, nạo vét và sửa chữa) để tạo thành công trình thủy lợi phục vụ công cộng, thì khi chuyển giao cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ khác sẽ được nhận lại khoản chi phí ấy trừ đi giá trị đã khấu hao từ tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ mới; khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 3, Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018.

8. Các tổ chức, cá nhân khi đầu tư chuyển từ bơm dầu sang bơm điện, hoặc đầu tư mới xây dựng trạm bơm điện được hỗ trợ đầu tư xây dựng trạm bơm điện, cống và kiên cố kênh mương thực hiện tại Điều 6, Điều 7 Điều 8 Điều 9 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 và hưởng một số chính sách ưu đãi theo quy định của Nhà nước.

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng thành lập hội đồng thẩm định giá bồi hoàn huê lợi đất tại thời điểm thỏa thuận của các bên tham gia, đồng thời xác định thời gian khấu hao công trình, giá trị khấu hao của từng công trình, nhằm thực hiện các khoản trên. Trong trường hợp

cần thiết, sau khi thực hiện các Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều này mà chưa thỏa thuận được với chủ đường nước bơm dầu thì thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

## **Chương VII** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 22. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn chi tiết quy trình, thủ tục, hồ sơ thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang; hướng dẫn các chính sách về hoạt động cung ứng dịch vụ thủy lợi.

2. Thống nhất quản lý Nhà nước về hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Đề xuất và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương thức đặt hàng, giao kế hoạch dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn đối với những hệ thống công trình thủy lợi có quy mô lớn; quản lý, duy tu công trình đê điều, công trình phân lũ và các công trình phòng chống thiên tai.

4. Hướng dẫn và hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thành lập liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở và trình tự thủ tục thực hiện các phương thức cung ứng dịch vụ.

5. Báo cáo tình hình cung ứng và sử dụng dịch vụ thủy lợi, đề hướng dẫn cho địa phương và tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ tổ chức thực hiện thống nhất trên toàn tỉnh.

6. Chủ trì phối hợp với Sở Lao động Thương binh và xã hội tổ chức đào tạo, tập huấn cấp giấy chứng chỉ hành nghề về quản lý, vận hành khai thác trạm bơm tưới, tiêu nước, công trình kênh, cống, đê bao cho các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thủy lợi, thực hiện theo Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018; Điều 25, Điều 26 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018.

7. Tổ chức thanh tra chuyên ngành về hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, phối hợp với địa phương có liên quan giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

8. Tổ chức nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào các hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 6 Luật Thủy lợi.

9. Tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Quy định này.

### **Điều 23. Các Sở, Ban, ngành tỉnh**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Ban ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức và hướng dẫn đăng ký kinh doanh dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Ban ngành hữu quan thực hiện:

- Bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ các hoạt động dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Xây dựng và thông báo giá dịch vụ bơm tưới, tiêu nước, cấp nước và dịch vụ thủy lợi khác theo hàng năm;

- Hướng dẫn Liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở cách thu và hưởng lệ phí thu phí cung ứng dịch vụ theo qui định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 24. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện đổi mới công tác quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ở địa phương.

2. Triển khai thực hiện công tác quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi hàng năm do Trạm Thủy lợi liên huyện, liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức, cá nhân quản lý.

3. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện phương thức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tạo nguồn do cấp huyện quản lý (Trạm Thủy lợi liên huyện).

4. Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

### **Điều 25. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn**

1. Lập kế hoạch sản xuất cụ thể cho từng tiểu vùng:

a) Kế hoạch diện tích bơm tưới, tiêu nước cho từng vụ;

b) Xác định nhu cầu bảo vệ đê bao bảo vệ sản xuất vụ Hè thu và vụ Thu Đông;

c) Nhu cầu nước phục vụ sinh hoạt và giao thông thủy.

2. Tổ chức họp dân lấy ý kiến hiệp thương về nhu cầu dịch vụ, lịch trình sử dụng nước, kế hoạch sản xuất.

3. Xác nhận giấy ủy quyền, biên bản hiệp thương và hợp đồng.



4. Tổ chức và hỗ trợ việc thành lập liên hiệp tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức thủy lợi cơ sở, hợp tác xã và tổ hợp tác đúng quy định nhà nước.

5. Hỗ trợ và hướng dẫn, kiểm tra điều kiện tham gia cung ứng dịch vụ của các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tiểu vùng.

6. Trường hợp đến thời vụ sản xuất mà chưa có đơn vị cung ứng dịch vụ thì phải tìm giải pháp tốt nhất đảm bảo nhu cầu dịch vụ cho người dân.

7. Kiểm tra và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ trên địa bàn phụ trách cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế).

8. Đình chỉ hoạt động cung ứng dịch vụ khi tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ tiểu vùng vi phạm và báo cáo về trên kịp thời.

**Điều 26.** Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Trần Anh Thư**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY ỦY QUYỀN**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015.
  - Căn cứ vào các văn bản hiện pháp hiện hành.
- ....., ngày..... tháng..... năm 20..... ; chúng tôi gồm có:

**I. BÊN ỦY QUYỀN:**

Họ tên:.....  
Địa chỉ:.....  
Số CMND: ..... Cấp ngày: ..... Nơi cấp:.....  
Quốc tịch:.....

**II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN:**

Họ tên:.....  
Địa chỉ:.....  
Số CMND: ..... Cấp ngày: ..... Nơi cấp:.....  
Quốc tịch:.....

**III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:**

Tham gia hiệp thương cung ứng, sử dụng thủy lợi .....

**IV. CAM KẾT**

- Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên.
  - Mọi tranh chấp phát sinh giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền sẽ do hai bên tự giải quyết.
- Giấy ủy quyền trên được lập thành ..... bản, mỗi bên giữ ..... bản.*

<b>BÊN ỦY QUYỀN</b> (Ký, họ tên)	<b>BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN</b> (Ký, họ tên)
-------------------------------------	--

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN HIỆP THƯƠNG**  
(về phương thức, nội dung cung ứng, sử dụng thủy lợi .....)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015.  
- Căn cứ Quyết định số ...../2018/QĐ-UBND ngày .... tháng ..... năm .... của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành quy định hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang,

....., ngày..... tháng..... năm 20..... ; chúng tôi gồm có:

**I. ĐƠN VỊ CUNG ỨNG DỊCH VỤ .....**

Họ tên:.....  
Chức vụ: .....  
Địa chỉ:.....  
Số CMND: .....Cấp ngày: .....Nơi cấp:.....

**II. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG DỊCH VỤ.....**

Họ tên:.....  
Chức vụ: .....  
Địa chỉ:.....  
Số CMND: .....Cấp ngày: .....Nơi cấp:.....

**III. NỘI DUNG HIỆP THƯƠNG:**

1. Phương thức cung ứng dịch vụ.....(đấu thầu hoặc đặt hàng).
2. Loại hình sử dụng dịch vụ .....(bơm tưới, tiêu nước; bơm tưới tiêu nước kết hợp; cấp nước; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt; bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thủy lợi khác).
3. Thời hạn hợp đồng.....(từng vụ ĐX, HT, TĐ; 01 năm)
4. Thời gian, biện pháp cung ứng và sử dụng dịch vụ.  
.....  
.....  
.....
5. Mức phí sử dụng dịch vụ:
  - a) Khoán gọn:.....đồng/ kg lúa/ha /vụ/năm
  - b) Theo từng vị trí sử dụng dịch vụ:
    - Đất gò cao: .....đồng/ kg lúa / ha /vụ/năm;
    - Đất trũng thấp: .....đồng/ kg lúa / ha /vụ/năm;
    - Đất tự tưới, tiêu thấm: .....đồng/ kg lúa / ha /vụ/năm;
    - Đất tưới, tiêu chuyên cấp 2: .....đồng/kg lúa/ ha /vụ/năm;

- Đất tưới, tiêu chuyên cấp 3: .....đồng/ kg lúa / ha /vụ/năm;  
.....

6. Thời gian và cách thu, nộp phí sử dụng dịch vụ.

a) Thời gian:.....

b) Cách thu, nộp phí sử dụng dịch vụ.....

7. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của các bên tham gia.

Theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 Quy định Hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

8. Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng.  
.....  
.....  
.....

#### **IV. CAM KẾT**

- Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về phương thức và nội dung cung ứng, sử dụng dịch vụ nêu trên.

- Mọi tranh chấp phát sinh giữa bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ sẽ do hai bên tự thỏa thuận hoặc yêu cầu cơ quan chức năng xác minh, giải quyết. Nếu không thống nhất với những xử lý của các cơ quan chức năng, có quyền khiếu kiện đến cơ quan pháp luật xem xét xử lý.

*Biên bản hiệp thương trên được lập thành ..... bản, mỗi bên giữ ..... bản.*

<b>ĐD.ĐƠN VỊ CUNG ỨNG DỊCH VỤ</b> (Ký, họ tên)	<b>ĐD.ĐƠN VỊ SỬ DỤNG DỊCH VỤ</b> (Ký, họ tên)
---	--

#### **XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....